BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

12

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH ĐOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGÔ THÁI HÀ – NGUYỄN THỊ HỒI

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	giáo viên
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua việc gắn kết kiến thức với thực tiễn và cách tổ chức hoạt động cho học sinh trong quá trình dạy học. Sách gồm hai phần:

Phần một: *Những vấn đề chung*

Hướng dẫn và định hướng giáo viên về: mục tiêu, nội dung chương trình Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp Trung học phổ thông và yêu cầu đối với *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12*; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Phần hai: *Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể*

Hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể.

Trên cơ sở những hướng dẫn này, các thầy cô có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp thầy cô đổi mới dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong thầy, cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy – học Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật của giáo viên và học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 5

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12 5

1. Mục tiêu dạy học Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp Trung học phổ thông 5
2. Nội dung chương trình Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật.....5
3. Yêu cầu đối với Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12.....6

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12 9

1. Sách giáo khoa Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.....9
2. Sách giáo viên..... 11
3. Thiết bị, phương tiện dạy học 11

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12 14

1. Một số quan điểm chung..... 14
2. Một số phương pháp, hình thức dạy học 14

IV. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12 18

1. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh 18
2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 20

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ..... 22

Chuyên đề 1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội..... 22

Chuyên đề 2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp 29

Chuyên đề 3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế 43

PHẦN MỘT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

1. Mục tiêu dạy học Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp Trung học phổ thông

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật giúp HS:

– Tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp Trung học cơ sở: có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

– Củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp Trung học cơ sở: đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kĩ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung chương trình Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật

Chương trình Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật được xây dựng theo hai mạch kiến thức:

– Giáo dục kinh tế;

– Giáo dục pháp luật.

Nội dung khái quát Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật:

Tên chuyên đề học tập	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 10.1: Tình yêu, hôn nhân và gia đình	10 tiết		
Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	15 tiết		
Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	10 tiết		
Chuyên đề 11.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên		15 tiết	
Chuyên đề 11.2: Một số vấn đề về pháp luật lao động		10 tiết	
Chuyên đề 11.3: Một số vấn đề về pháp luật dân sự		10 tiết	
Chuyên đề 12.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội			10 tiết
Chuyên đề 12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp			10 tiết
Chuyên đề 12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế			15 tiết

3. Yêu cầu đối với Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12

a) Yêu cầu chung

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 góp phần thực hiện mục tiêu chung của bộ môn ở cấp Trung học phổ thông, phù hợp với đối tượng HS lớp 12, đảm bảo những yêu cầu sau:

– Nội dung *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12* kế thừa và phát triển kết quả dạy học môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở.

– Các nội dung *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12* góp phần giáo dục toàn diện nhân cách HS, giúp các em biết ứng xử để giải quyết các mối quan hệ thường ngày phù hợp với yêu cầu của xã hội, sự phát triển của bản thân và những nội dung giáo dục này cần đảm bảo thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, gần gũi với cuộc sống.

– Việc tổ chức dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật* cần hình thành ở HS cảm xúc, niềm tin vì đó là động cơ bên trong giúp các em tự hoàn thiện, tự điều chỉnh để vươn lên trong cuộc sống.

– Phương pháp dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật* yêu cầu không chỉ là truyền thụ tri thức mà còn phải hình thành tình cảm, niềm tin đạo đức, pháp luật và nhất là hình thành hành vi, thói quen đạo đức, pháp luật ở mỗi HS. Cần tránh lối dạy thiên về lí thuyết khô khan, xa rời thực tiễn; tổ chức các hoạt động học tập đa dạng, qua hoạt động để khai thác những chất liệu cuộc sống và vốn kinh nghiệm đã có của bản thân HS, giúp các em thấu hiểu nội dung, rèn luyện thái độ, bổn phận, niềm tin; thực hành các chuẩn mực giá trị và mẫu hành vi tích cực mà bài học đặt ra.

b) Yêu cầu cần đạt đối với các chủ đề trong Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	PHẨM CHẤT	NĂNG LỰC	
			Năng lực chung	Năng lực đặc thù
12.1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội	– Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế. – Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế. – Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực. – Biết đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.	Trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
12.2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp	– Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp. – Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Yêu nước, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

	– Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp. – Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.			
12.3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	– Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế. – Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước. – Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. – Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	Yêu nước, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

II TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

1. Sách giáo khoa Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12

a) Về quan điểm biên soạn

Việc biên soạn SGK *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt và khung nội dung chương trình môn học ở lớp 12. Các nội dung biên soạn hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc trưng theo các mức độ phù hợp với môn học ở cấp Trung học phổ thông đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Việc biên soạn nội dung các bài học đảm bảo những nguyên tắc cơ bản:

– Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

– Cụ thể hoá mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông; đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục. Nội dung biên soạn đảm bảo tích hợp nội môn (giữa giáo dục đạo đức – giáo dục kĩ năng sống – giáo dục kinh tế – giáo dục pháp luật) và tích hợp liên môn (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Ngữ văn,…); đảm bảo tính đa dạng văn hoá vùng miền thể hiện qua những câu chuyện, tình huống, hình ảnh, nhân vật trong SGK.

– Đảm bảo tính thực tiễn: gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam và phù hợp với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giới, đảm bảo tốt nhất lợi ích của người học. Nội dung biên soạn gắn với thực tiễn cuộc sống của HS. Các chất liệu biên soạn (hình ảnh, câu chuyện, tình huống, nhiệm vụ học tập,...) đều xuất phát từ chính cuộc sống của các em trong gia đình, nhà trường và xã hội.

– Đảm bảo tính khoa học: sách được thiết kế dựa trên lí thuyết phát triển tâm lí HS Trung học phổ thông, quy trình dạy học trải nghiệm: từ kinh nghiệm rời rạc – quan sát phân tích – khái niệm hoá (quy luật mới) – thử nghiệm, vận dụng tích cực; lí thuyết hệ thống sinh thái của Urie Bronfenbrenner, sử dụng kiến thức khoa học chuẩn xác, chọn lọc, phù hợp với sự phát triển lứa tuổi, hiện đại (có tính mở, cập nhật và tận dụng nguồn tài liệu số hoá), tính bền vững (hướng đến khuyến khích khả năng tự học và năng lực học tập suốt đời), tính hấp dẫn (đa dạng thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).

– Đảm bảo tính vừa sức: trên cơ sở nghiên cứu sự phát triển tâm lí lứa tuổi, những người làm sách đã chú trọng yếu tố vừa sức trong cả kênh hình và kênh chữ, việc thiết kế các hoạt động dạy học luôn tính đến điều kiện thực tế mà GV, HS có thể thực hiện được.

b) Về cấu trúc sách giáo khoa

** Cấu trúc chung của SGK*

SGK *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* thể hiện đầy đủ nội dung của Chương trình Giáo dục phổ thông, gồm 3 chuyên đề, cụ thể như sau:

Chuyên đề 1: Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội.

Chuyên đề 2: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp.

Chuyên đề 3: Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

** Cấu trúc mỗi bài*

Cấu trúc mỗi bài trong SGK được thiết kế thống nhất các hoạt động theo trình tự sau:

– *Mở đầu*: giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học, đồng thời thông qua trò chơi, câu chuyện, tình huống, trải nghiệm của HS,... tạo hứng thú cho HS và liên hệ vào bài học.

– *Khám phá:* tìm hiểu, kết nối kinh nghiệm cá nhân với tình huống bài học qua nghe câu chuyện, đọc thông tin, xử lí tình huống,... giúp HS khám phá được nội dung kiến thức bài học.

– *Luyện tập:* HS được luyện tập, sử dụng kiến thức, kĩ năng mới trong một số nhiệm vụ học tập, tình huống giả định để hiểu rõ hơn kiến thức bài học và rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

– *Vận dụng*: hướng dẫn HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng của bài học vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

c) Về cách trình bày

Dựa trên đặc điểm tâm sinh lí của HS Trung học phổ thông, SGK *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* đã kết hợp khoa học kênh hình và kênh chữ. Kênh hình được thể hiện với những hình ảnh chọn lọc phù hợp, những tình huống tiêu biểu mang nét đặc trưng đại diện vùng miền. Kênh chữ được diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu và gần gũi với HS.

Mỗi bài học được mở đầu bằng mục tiêu dạy học và hoạt động khởi động với những câu chuyện, tình huống, trải nghiệm của HS,... tạo hứng thú cho HS và liên hệ vào bài học.

Trong mỗi bài học, các mục Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng đều được thể hiện bằng những biểu tượng nhất quán để HS dễ nhận biết.

Hình thức thể hiện nội dung đa dạng với nhiều màu sắc, hình ảnh, biểu tượng, tạo hứng thú học tập cho HS.

d) Những điểm mới, khác biệt, hấp dẫn của sách giáo khoa Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12

Với hai mạch kiến thức chủ đạo là giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật thể hiện tập trung trong ba chuyên đề. Nội dung bài học gọn nhẹ, mang tính khám phá, gợi mở. Sách được xây dựng hướng tới phát triển khả năng tự học, kĩ năng công dân cho HS thông qua các nhiệm vụ học tập đa dạng và phong phú (như: đặt câu hỏi; phân tích biểu đồ, tình huống, trường hợp; bày tỏ ý kiến khi xử lí tình huống, đóng vai, sưu tầm tài liệu;...).

Sách được trình bày đẹp, màu sắc, tranh ảnh, câu chuyện, tình huống,... hấp dẫn, thu hút người học, là công cụ đắc lực giúp các em học tập thuận lợi, hiệu quả.

Sách như một phương tiện hỗ trợ và kết nối sự tham gia của gia đình vào quá trình giáo dục HS ở nhà. Các nội dung trình bày đủ, rõ ràng, dễ hiểu để cha mẹ có thể hướng dẫn con nhất quán với quá trình tổ chức dạy học của GV trên lớp.

2. Sách giáo viên

Đây là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tư liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

Cấu trúc SGV *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* gồm hai phần chính:

Phần một: Những vấn đề chung

Phần này trình bày những nội dung chính sau:

– Mục tiêu môn học; Nội dung chương trình môn học;

– Tài liệu, phương tiện dạy học;

– Phương pháp dạy học;

– Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể

Trong phần này, từng chuyên đề được trình bày theo cấu trúc:

– Tên bài, thời lượng;

– Mục tiêu bài học;

– Tài liệu, thiết bị dạy học;

– Tiến trình dạy học.

Lưu ý: Các hoạt động, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cần cụ thể hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

3. Thiết bị, phương tiện dạy học

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 – 11 – 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9 – 6 – 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117 QĐ/TTg ngày 25 – 1 – 2017 phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025", Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của bộ SGK nói chung và SGK *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* nói riêng. Cụ thể, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giới thiệu nền tảng *Tập huấn*. Nền tảng này cho phép người dùng truy cập

phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lí giáo dục, HS và phụ huynh HS trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử trên nền tảng *Tập huấn*.

– *Tập huấn* là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được truy cập tại tên miền *taphuan.nxbgd.vn*. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

+ Đối với tài khoản GV: tính năng tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn dưới nhiều định dạng PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết dạy minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ các GV truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Sau mỗi khoá tập huấn, trên hệ thống sẽ có bài kiểm tra – đánh giá tương ứng, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

+ Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường): tính năng tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này.

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp, GV có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử, sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả, chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ GV trong việc mang đến hình ảnh sinh động trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bài tập, *Tập huấn* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra – đánh giá. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp, giao bài tập về nhà để

HS thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử slide PowerPoint song hành là kịch bản dạy học, GV có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm cho phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Tập huấn* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.

– Ngoài ra, GV cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Tập huấn* kết hợp cùng máy trình chiếu trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, GV có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

1. Một số quan điểm chung

Phương pháp dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12* chú trọng tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lí các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống của HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học được áp dụng trong chương trình *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12* có sự kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu, xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, sắm vai, dự án,...

2. Một số phương pháp, hình thức dạy học

a) Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể

Có nhiều phương pháp dạy học khác nhau, tuy nhiên cuốn sách này chỉ giới thiệu một số phương pháp dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực của HS trong dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật*.

1/ Phương pháp thảo luận nhóm

– Đặc điểm:

Đây là một phương pháp được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống đạo đức, kinh tế, pháp luật nào đó.

– Cách sử dụng:

+ GV giới thiệu chủ đề cuộc thảo luận.

+ Nêu các câu hỏi có liên quan đến chủ đề.

+ Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận và ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn. Nếu không khí trầm tĩnh, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý.

+ Cần khích lệ mọi HS cùng tham gia đóng góp ý kiến, không nên chê bai một ý kiến nào.

+ "Nhóm trưởng" hoặc "thư kí" ghi chép các ý kiến.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– Những điều cần lưu ý:

+ Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và trình độ HS.

+ Cách chia nhóm cần phải linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định.

+ Kết quả thảo luận nhóm phải được trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học.

+ Cử "nhóm trưởng", "thư kí" cũng nên luân phiên để từng HS đều được rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

2/ Phương pháp sắm vai

– Đặc điểm:

Sắm vai là phương pháp HS thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống đạo đức, kinh tế, pháp luật giả định.

– *Tác dụng:*

+ Giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực.

+ Gây được hứng thú và chú ý đối với người học.

+ Tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS.

+ Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng định trước.

+ HS có thể thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

– *Cách sử dụng:*

+ GV giới thiệu tình huống.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng "kịch bản" và phân công sắm vai.

+ Các nhóm lên sắm vai.

+ HS nhận xét, đánh giá.

+ GV chốt lại.

– *Những điều cần lưu ý:*

+ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.

+ Tình huống phải dễ đóng vai, không nên quá phức tạp.

+ Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc hỗ trợ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ Trong khi các nhóm thảo luận, GV phải đến từng nhóm, quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để có sự hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

3/ Phương pháp giải quyết vấn đề

– *Đặc điểm:*

Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, kinh tế, pháp luật,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách sử dụng:*

+ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết.

+ Đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề.

+ HS tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh vấn đề.

+ HS nêu ra được những cách giải quyết vấn đề.

+ HS quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– *Những điều cần lưu ý:*

+ Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gắn với thực tế.

+ Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS.

+ Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

+ Cần kết hợp với nhiều phương pháp dạy học khác.

4/ Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Đặc điểm:*

Trò chơi là phương pháp có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Trong cuộc chơi, mọi HS đều bình đẳng, đều cố gắng thể hiện mình. Vì vậy, tổ chức trò chơi không chỉ là biện pháp tăng hứng thú học tập mà còn nâng cao sự chú ý, thay đổi trạng thái tâm lí mệt mỏi trong quá trình nhận thức và rèn luyện kĩ năng ứng xử, giao tiếp, củng cố và phát triển khả năng tự tin của HS trong học tập, hoạt động xã hội.

– *Tác dụng:*

+ Tăng cường khả năng chú ý của HS.

+ Nâng cao hứng thú của người học, góp phần giảm mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

+ Tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với GV, giữa HS với nhau.

– *Cách sử dụng:*

+ Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học. Thầy trò có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới.

+ Thông qua trò chơi, GV gợi ý cho HS thảo luận, khai thác yêu cầu bài học.

– *Những điều cần lưu ý:*

+ Phải nắm rõ mục đích cuộc chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay chuyển tải, củng cố kiến thức,...

+ Phải nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi.

+ Phải dễ tổ chức và thực hiện.

+ Sau khi chơi, GV cần tổng kết nói rõ HS đã học được gì thông qua trò chơi.

5/ Kĩ thuật kích thích tư duy

– Đặc điểm:

Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học, dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với nội dung bài học, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn một cách hiệu quả.

– Cách sử dụng:

+ Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm để HS suy nghĩ.

+ Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

+ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ lớn, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

+ Phân loại các ý kiến.

+ Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.

+ Tổng hợp ý kiến của HS và hỏi xem các em còn thắc mắc hay bổ sung gì không.

– Những điều cần lưu ý:

+ Phương pháp kích thích tư duy có thể dùng để lí giải bất kì một vấn đề đạo đức, kinh tế, pháp luật nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế của HS.

+ Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn.

+ Tất cả các ý kiến đều được GV hoan nghênh, chấp nhận một cách khéo léo, tế nhị mà không cần phê phán đúng sai.

+ Cuối giờ thảo luận, GV nên tổng hợp lại để HS dễ hiểu.

b) Hình thức tổ chức dạy học

GV giảng dạy *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12* cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Khi dạy học, GV không giảng giải quá nhiều, cần tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm hoạt động và chủ động chia sẻ ý kiến. GV đóng vai người định hướng, tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết. GV đón nhận và phản hồi kết quả, qua đó hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động kết hợp với quản lí lớp học linh hoạt, sử dụng kỉ luật tích cực,

tham khảo mở rộng, điều chỉnh các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Trong nội dung bài học, bên cạnh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, GV cần chú ý hướng dẫn HS rèn luyện các kĩ năng mềm như: lắng nghe, biểu cảm, chia sẻ, thuyết trình, hợp tác, tự nhận thức, ra quyết định,...

Thông qua các phương pháp giáo dục trên lớp, GV phát huy tối đa quyền được tham gia của HS đồng thời kết hợp với sự tham gia của phụ huynh vào quá trình giáo dục cho con ở nhà (ví dụ thông qua các nhiệm vụ thực hiện cùng gia đình,...).

IV PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

1. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

a) Mục đích

Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS là hoạt động thu thập, phân tích, xử lí thông tin qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của HS trong quá trình học tập; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS, xác nhận kết quả đạt được của HS, thông tin phản hồi cho GV và HS để điều chỉnh quá trình dạy, học.

Mục đích đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập; cán bộ quản lí giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

b) Yêu cầu đánh giá

– Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 – 7 – 2021 quy định về đánh giá HS THCS và HS THPT.

– Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

– Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan.

– Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì.

– Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; không so sánh HS này với HS khác.

c) Nội dung đánh giá

Việc đánh giá được xác định trên mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học. HS cần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực của người công dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp. Cụ thể, HS cần đạt các năng lực chung (năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là: năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

d) Hình thức đánh giá

** Đánh giá bằng nhận xét*

– GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

– Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

** Đánh giá bằng điểm số*

– GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

** Hình thức đánh giá đối với Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật:*

– Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số.

– Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

– Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm

kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

e) Đánh giá kết quả rèn luyện

– Đánh giá kết quả rèn luyện của HS căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực đặc thù quy định trong chương trình môn học và chương trình giáo dục phổ thông.

– GV môn học nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, sự hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện, học tập môn học và có trách nhiệm cung cấp thông tin nhận xét kết quả rèn luyện của HS thông qua học tập môn học cho GV chủ nhiệm.

2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật

a) Đánh giá qua lời nói

Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS. Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi *vì sao? như thế nào? làm gì?*

Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: *Em đã làm điều đó như thế nào?* Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi pháp luật của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi đạo đức, pháp luật có liên quan.

Ở mức cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lí tình huống cụ thể trên cơ sở gắn nội dung bài học với những tình huống thực tế gần gũi với HS.

b) Đánh giá qua bài kiểm tra viết của học sinh

Đây là phương pháp truyền thống song điểm mới là không chỉ kiểm tra học thuộc lòng kiến thức mà chủ yếu kiểm tra trình độ hiểu biết vấn đề, khả năng vận dụng vấn đề (thực chất là kiểm tra sự sáng tạo, năng động trong hoạt động nhận thức). Vì vậy, bài viết có thể là bài tập tình huống, một trường hợp, một sự kiện để các em nhận xét, đánh giá, tìm ra cách ứng xử để giải quyết các tình huống của bản thân hay của người khác.

c) Đánh giá qua quan sát các hoạt động, việc làm của học sinh

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia các hoạt động học tập, hoạt động thực tiễn;

nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề trong cuộc sống thực tiễn. Ví dụ: GV có thể quan sát HS thể hiện thái độ làm việc khi tham gia thảo luận nhóm, sự đóng góp của HS trong kết quả thực hiện một dự án học tập,...

d) Đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

e) Đánh giá thông qua phiếu nhận xét, đánh giá của gia đình

GV có thể tham khảo ý kiến của cha mẹ HS về thái độ, biểu hiện hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động ở nhà và cộng đồng.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN **HAI** **HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ**

Chuyên đề 1

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

2. Năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực đối với sự biến đổi của văn hoá, xã hội dưới sự tác động của phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh những thái độ, hành vi tiêu cực.

– *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực; Đưa ra ý kiến đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm công dân về các vấn đề có liên quan đến sự biến đổi của kinh tế, văn hoá, xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế; hướng dẫn và nhắc nhở người khác phát huy mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

II TÀI LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Tài liệu

SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu

Video/tranh ảnh cho hoạt động khởi động (nếu có), phiếu học tập sử dụng cho các hoạt động trong bài.

3. Thiết bị

Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu, máy tính, máy chiếu,...

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động Mở đầu

a) Mục tiêu:

– Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học.

– Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học, tạo hứng thú cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy kể một thay đổi về nhu cầu văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta và lợi ích mang lại từ sự thay đổi đó.*

GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh ảnh về sự thay đổi của văn hoá dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế hoặc video về lợi ích của sự thay đổi đó đối với cộng đồng/cá nhân và chia sẻ những hiểu biết của mình về sự thay đổi đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về những biến đổi văn hoá do tác động của phát triển kinh tế

a) Mục tiêu:

– Nêu được những biến đổi văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực, tiêu cực nào của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực, tiêu cực khác của văn hoá do phát triển kinh tế mang lại.

2/ Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực, tiêu cực của văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Những biến đổi tích cực, tiêu cực của văn hoá do phát triển kinh tế:

+ Phát triển kinh tế tạo ra những biến đổi tích cực của văn hoá:

• Nhờ sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã tạo ra cơ hội và điều kiện cho sự giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc được mở rộng, mang nền văn hoá đặc sắc của dân tộc này đến với các dân tộc khác; làm phong phú, đa dạng thêm cho nền văn hoá của vùng, miền và cùng hướng tới mục tiêu dân tộc và hiện đại.

• Nhờ sự phát triển kinh tế, đời sống vật chất của người dân được nâng cao, dẫn tới những thay đổi đời sống văn hoá, tinh thần. Những đòi hỏi của nền kinh tế công nghiệp hiện đại dẫn đến sự thay đổi về các giá trị đạo đức, lối sống. Con người rèn luyện được tác phong công nghiệp, lối sống trách nhiệm, chủ động, năng động, sáng tạo, có ý thức kỉ luật, tự giác, nỗ lực vươn lên.

• Sự phát triển khoa học công nghệ và truyền thông giúp con người dễ dàng tiếp cận với kiến thức, nghệ thuật, văn hoá. Nhờ đó, nhu cầu giải trí, giáo dục, sáng tạo nghệ thuật ngày càng thay đổi và nâng cao.

+ Phát triển kinh tế còn dẫn đến những biến đổi tiêu cực của văn hoá:

• Xu thế hội nhập và mở cửa đã làm xuất hiện tư tưởng sùng ngoại, chạy theo các giá trị tiêu cực trong văn hoá ngoại lai, sự mai một của các giá trị văn hoá truyền thống.

• Kinh tế thị trường phát triển dẫn đến khoảng cách giàu – nghèo gia tăng, khiến cơ hội hưởng thụ, tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không đồng đều.

• Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá dẫn đến sự suy giảm nghề thủ công truyền thống và mất đi giá trị văn hoá của các ngành nghề này.

2/ Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những biến đổi của văn hoá là do quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, do quá trình hội nhập quốc tế.

– GV kết luận theo nội dung chốt kiến thức trong SGK.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu những biến đổi xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế

a) Mục tiêu:

– Nêu được những biến đổi xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS đọc nội dung, thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực, tiêu cực nào của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực, tiêu cực khác của xã hội do phát triển kinh tế mang lại.

2/ Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực, tiêu cực của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm và thảo luận các câu hỏi nêu trên theo sự phân công của GV.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực, tiêu cực của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế:

+ Kinh tế thị trường phát triển cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đã tạo ra nhiều biến đổi tích cực về xã hội:

• Phát triển kinh tế tạo ra cơ hội về việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân, giúp cải thiện mức sống, giảm bớt đói nghèo trong xã hội.

• Phát triển kinh tế luôn gắn liền với đảm bảo tiến bộ xã hội, cung cấp những điều kiện vật chất để xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, viễn thông, các dịch vụ y tế, giáo dục,...) góp phần tăng khả năng tiếp cận các thông tin, giảm khoảng cách giữa các khu vực, nâng cao chất lượng cuộc sống.

+ Phát triển kinh tế còn gây ra những biến đổi tiêu cực của xã hội:

• Mặt trái của kinh tế thị trường là gây ra sự phân hoá giàu – nghèo.

• Sự tăng trưởng kinh tế thường đi kèm với hiện tượng đô thị hoá nhanh, khiến các thành phố trở nên quá tải về cơ sở hạ tầng, dịch vụ và nhà ở; trong khi nông thôn mất đi nguồn nhân lực và tài nguyên, gây ra mất cân bằng đô thị – nông thôn.

• Phát triển kinh tế thường đi liền với việc gây ô nhiễm môi trường, khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

• Kinh tế thị trường làm tăng áp lực về cạnh tranh, căng thẳng xã hội, làm nảy sinh các vấn đề về an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2/ Nguyên nhân chủ yếu của những biến đổi xã hội là do quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, do tác động của cơ chế thị trường và do quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam (công tác quản lí của Nhà nước, vấn đề giải quyết hài hoà giữa mục tiêu phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường; nhận thức của cộng đồng về tác động của sự phát triển kinh tế đối với môi trường và xã hội;...).

– GV kết luận theo nội dung chốt kiến thức trong SGK.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu một số giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đến những biến đổi văn hoá, xã hội

a) Mục tiêu:

Nêu được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đến những biến đổi văn hoá, xã hội và đánh giá được hiệu quả của những biện pháp và chính sách đó.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS đọc nội dung, thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Các thông tin trên đã đề cập đến những giải pháp nào để phát huy tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đối với những biến đổi văn hoá, xã hội?

2/ Hãy đánh giá tác động của những biện pháp, chính sách đó đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong thực tế.

3/ Em hãy sưu tầm bài báo, hình ảnh, số liệu, video,... về tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. Từ đó đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

4/ Em hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm và thảo luận các câu hỏi theo sự phân công của GV.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

1/ Các thông tin trên đã đề cập đến những giải pháp:

– Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

+ Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, vùng ven biển và hải đảo.

+ Đa dạng hoá sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

+ Phát triển giáo dục nghề, việc làm bền vững.

+ Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,...

– Thực hiện Chiến lược phát triển văn hoá:

+ Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hoá.

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lí.

+ Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

+ Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá.

+ Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc.

+ Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hoá,…

– Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội:

+ Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam.

+ Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội.

+ Xây dựng môi trường và đời sống văn hoá phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

2/ Tác động của những biện pháp, chính sách đó đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong thực tế:

– Về kinh tế: tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn sản xuất với thị trường; mở rộng quan hệ thương mại quốc tế tới nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ; cải thiện cán cân thương mại, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

– Về văn hoá, xã hội: cải thiện tiến bộ và công bằng xã hội, đời sống của đại bộ phận dân cư được nâng lên rõ rệt; phát triển khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động; phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

3/ GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. Từ đó đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới nhiều hình thức khác nhau như sưu tầm bài báo, tranh ảnh, số liệu, video,...

– GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét (hoặc GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận).

4/ GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập dưới nhiều hình thức và viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét (hoặc GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận).

– GV kết luận theo nội dung chốt kiến thức trong SGK.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Hoạt động Thực hành

a) Mục tiêu:

– HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.

– Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý:

1. Chuẩn bị báo cáo:

– Trao đổi, thảo luận chọn vấn đề nghiên cứu (chọn một trong các vấn đề: tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

– Sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh,... về vấn đề nghiên cứu (tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

– Lập đề cương báo cáo.

2. Yêu cầu về nội dung của báo cáo:

Báo cáo ngắn gọn về vấn đề nghiên cứu.

Gợi ý cách trình bày nội dung báo cáo:

– Giới thiệu kết quả về ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế đến biến đổi về văn hoá, xã hội.

– Những biến đổi tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

– Chủ trương, chính sách.

– Giải pháp.

– Kết quả.

3. Thu thập tài liệu (gợi ý: giới thiệu các website để HS vào thu thập tài liệu: ghi rõ đường link của các website mà HS có thể vào lấy tài liệu viết báo cáo).

Chuyên đề 2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.

– Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.

– Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

2. Năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp; Phê phán những hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

– *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Nhận thức được các hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

3. Phẩm chất

Có *trách nhiệm* trong việc đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

II TÀI LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Tài liệu

SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu

Tranh/ảnh, video, câu chuyện (nếu có),... liên quan đến bài học.

3. Thiết bị

Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu, máy tính, máy chiếu,...

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động Mở đầu

a) Mục tiêu: Giới thiệu ý nghĩa của bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về Luật Doanh nghiệp để dẫn dắt vào bài học mới.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quy định pháp luật liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp hoặc các mô hình doanh nghiệp.*

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung thêm ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và dẫn dắt vào bài học: Tự do kinh doanh là một trong những quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) với nội dung: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (Điều 33). Căn cứ vào Hiến pháp, Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp để quy định về việc thành lập doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ pháp lí của doanh nghiệp, tổ chức quản lí doanh nghiệp,... Luật Doanh nghiệp ra đời đã tạo cơ sở pháp lí cho sự thành lập và phát triển của hàng ngàn doanh nghiệp trên cả nước, qua đó không chỉ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của đất nước mà còn góp phần làm cho quyền tự do kinh doanh của mọi người được thực hiện trong thực tế.

2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm Luật Doanh nghiệp

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Dựa vào thông tin trên, em hãy xác định mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp là hướng dẫn cho các chủ thể cách thức, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia góp vốn, mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp vào một doanh nghiệp nào đó; quy định về các vấn đề cơ bản như: loại hình doanh nghiệp, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp và các hành vi bị cấm, mô hình tổ chức quản lí của từng loại hình doanh nghiệp, việc tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức: Luật Doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: *Hành vi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác của Doanh nghiệp B trong trường hợp trên có phải là vi phạm pháp luật không? Vì sao?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Hành vi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác của Doanh nghiệp B trong trường hợp trên là vi phạm pháp luật, bởi vì, theo quy định tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì Doanh nghiệp B đã không thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp hoặc đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp trước khi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức:

+ Doanh nghiệp có các quyền cơ bản như: tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động quyết định quy mô và ngành nghề kinh doanh; có quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng; tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật,...

+ Doanh nghiệp có một số nghĩa vụ cơ bản sau: Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật,... và không thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về các loại hình doanh nghiệp

a) Mục tiêu: HS nêu được các loại hình doanh nghiệp và đặc trưng của mỗi loại hình doanh nghiệp đó.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc thông tin, trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khác nhau ở những điểm cơ bản nào. Vì sao?

2/ Công ty S được nêu trong trường hợp trên thuộc loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời HS trả lời lần lượt các câu hỏi trên. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện của 1 – 2 nhóm HS trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Điểm khác biệt cơ bản giữa công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành gồm các điểm sau:

+ Về số lượng thành viên: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Còn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu.

+ Về trách nhiệm của thành viên: Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì thành viên phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Còn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì chủ sở hữu công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Còn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2/ Công ty S được nêu trong trường hợp trên thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bởi vì nó thể hiện đầy đủ các đặc trưng cơ bản của loại hình doanh nghiệp này, đó là: có 5 thành viên là tổ chức và cá nhân; cả 5 thành viên đều góp vốn cho công ty và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp đã cam kết.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp, phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông; cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa. Công ty cổ phần là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh),

ngoài ra có thể có thêm thành viên góp vốn; thành viên hợp danh phải là cá nhân, thành viên góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

+ Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về thành lập, tổ chức và quản lí doanh nghiệp

a) Mục tiêu: HS nêu được điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp và các mô hình tổ chức quản lí doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thành lập doanh nghiệp.

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, muốn được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty cổ phần K phải đáp ứng những điều kiện gì? Vì sao?

2/ Hãy giới thiệu trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của Công ty cổ phần K.

3/ Khi bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản, Công ty cổ phần K cần phải tiến hành thủ tục gì? Nêu cụ thể các thủ tục đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Muốn được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty cổ phần K phải đáp ứng những điều kiện sau:

+ *Điều kiện về vốn*: Được thể hiện qua vốn điều lệ của công ty. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần K là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần K khi đăng kí thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng kí mua và được ghi trong Điều lệ công ty.

+ *Điều kiện về chủ thể*: Tổ chức X cùng với ông M và bà N phải là tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận là có quyền thành lập doanh nghiệp, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Ông M và bà N phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tổ chức X thì phải có tư cách pháp nhân.

+ *Điều kiện về ngành, nghề kinh doanh*: Doanh nghiệp chỉ được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp khi ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề bị cấm kinh doanh. Chế biến thực phẩm không thuộc danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh nên Công ty K đủ điều kiện.

Điều kiện về tên doanh nghiệp: Tên Công ty cổ phần K không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng kí hoặc lạm dụng tên của cơ quan, tổ chức khác.

+ *Điều kiện về hồ sơ và lệ phí:* Để được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, đại diện của Công ty cổ phần K phải nộp hồ sơ đăng kí doanh nghiệp hợp lệ cho Cơ quan đăng kí kinh doanh và nộp đủ lệ phí thành lập doanh nghiệp.

2/ Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của Công ty cổ phần K bao gồm các bước sau:

– Bước 1: Đại diện của công ty K phải chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ và nộp cho Cơ quan đăng kí kinh doanh theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử. Hồ sơ đăng kí Công ty cổ phần K gồm các giấy tờ sau:

+ Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp.

+ Điều lệ công ty.

+ Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

+ Bản sao các giấy tờ sau đây:

• Giấy tờ pháp lí của ông M và bà N với tư cách là cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, người đại diện theo pháp luật (nếu có);

• Giấy tờ pháp lí của Tổ chức X và văn bản cử người đại diện theo uỷ quyền; giấy tờ pháp lí của cá nhân đối với người đại diện theo uỷ quyền của Tổ chức X và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (nếu có).

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lí của tổ chức phải được hợp pháp hoá lãnh sự;

• Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư.

– Bước 2: Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, sau đó quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

– Bước 3: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp.

3/ Khi bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản, Công ty cổ phần K phải đăng kí với Cơ quan đăng kí kinh doanh về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi và phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức:

+ Điều kiện để thành lập doanh nghiệp gồm các điều kiện về vốn, về chủ thể, về ngành nghề kinh doanh, về hồ sơ và lệ phí.

+ Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp gồm các bước cơ bản sau: Nhà đầu tư chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ và nộp cho Cơ quan đăng kí kinh doanh; Cơ quan đăng kí kinh doanh

kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp; thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp song phải đăng kí và thông báo về sự thay đổi đó theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách thức tổ chức và quản lí doanh nghiệp

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết, cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và công ty hợp danh giống và khác nhau ở những điểm cơ bản nào. Vì sao?

2/ Công ty K và Công ty H được nêu trong trường hợp trên được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?

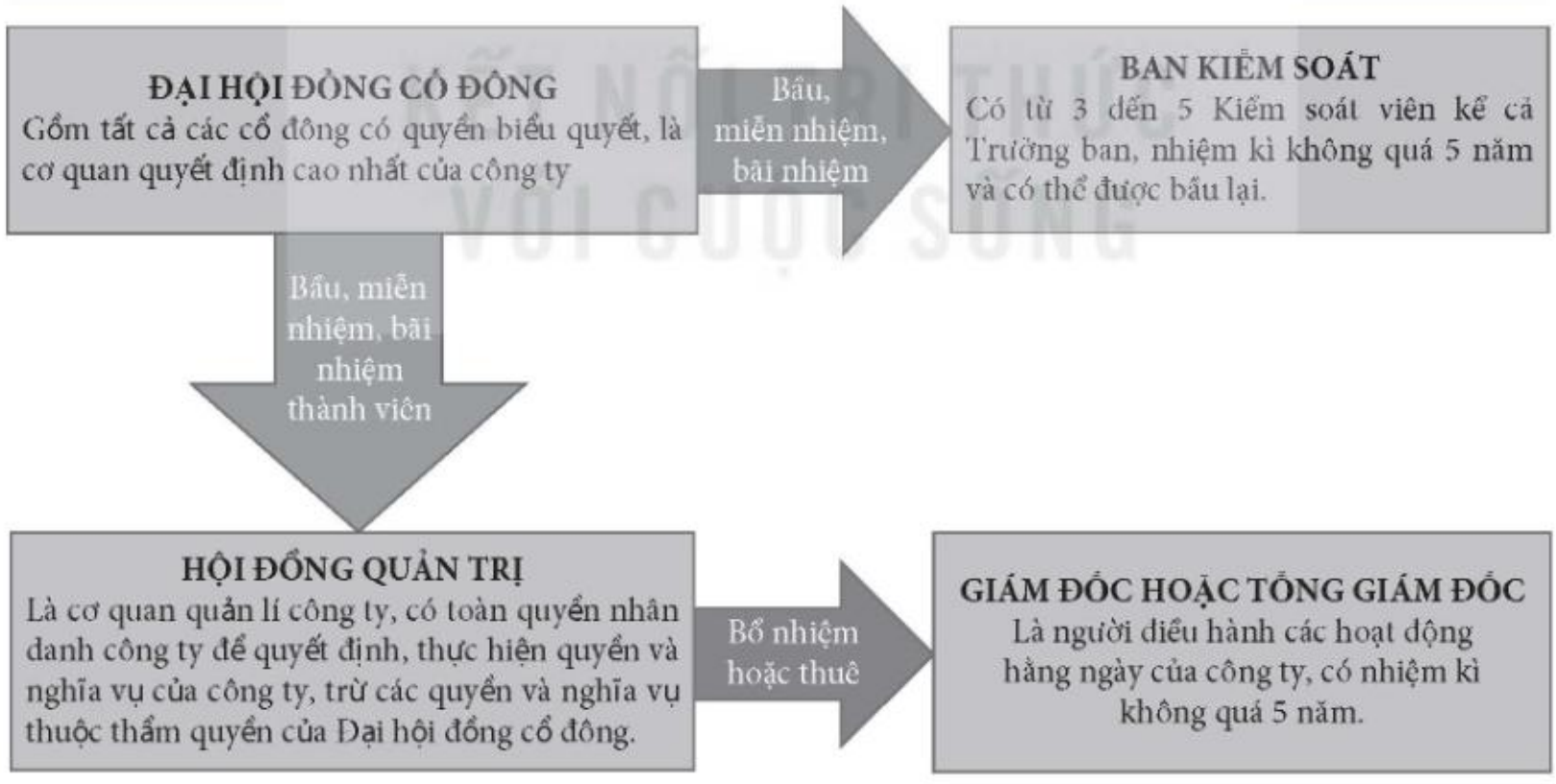
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

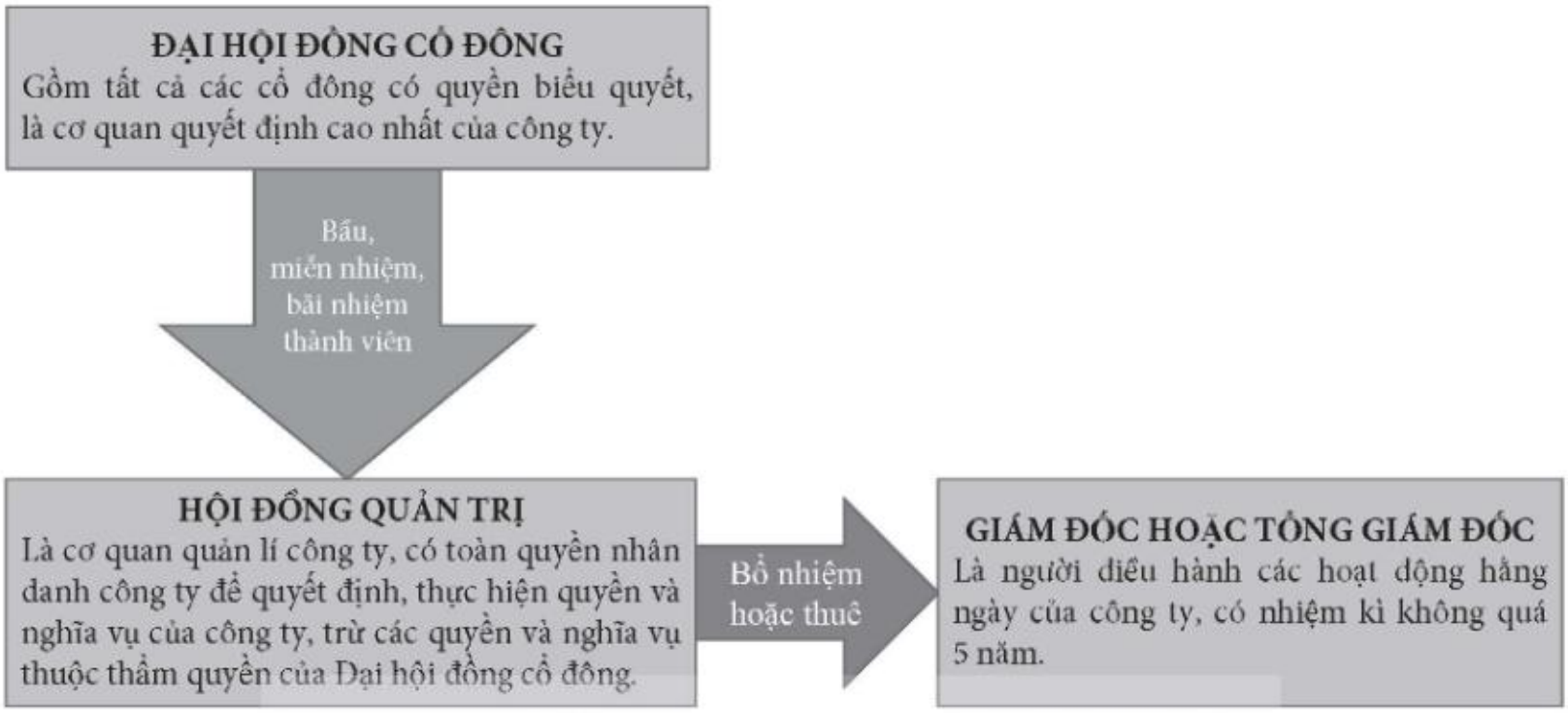
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ GV có thể giới thiệu về mô hình tổ chức quản lí của hai loại hình doanh nghiệp này theo các sơ đồ sau:

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty cổ phần (mô hình 1)



Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty cổ phần (mô hình 2)



Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty hợp danh



– GV giải thích: Cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và công ty hợp danh giống và khác nhau ở những điểm cơ bản sau:

+ Điểm giống nhau: Trong cơ cấu tổ chức quản lí của cả hai loại công ty này đều có bộ phận Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Điểm khác nhau:

Công ty cổ phần	Công ty hợp danh
– Có thể lựa chọn tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình: a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.	– Chỉ có một mô hình tổ chức quản lí là: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Công ty cổ phần	Công ty hợp danh
– Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.	– Hội đồng thành viên bao gồm tất cả thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.
– Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	– Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
– Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.	– Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ty và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

2/ Trong trường hợp trên, Công ty K là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và Công ty H là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, vì cách thức tổ chức và quản lí của Công ty K và Công ty H phù hợp với cách thức tổ chức và quản lí của các loại hình doanh nghiệp này do Luật định.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức: Cách thức tổ chức và quản lí doanh nghiệp tuỳ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, có loại hình doanh nghiệp chỉ được tổ chức và quản lí theo một mô hình, song có loại hình doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo hai mô hình khác nhau.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

a) Mục tiêu: HS nêu được cách thức tổ chức lại và điều kiện giải thể doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Trong trường hợp 1, việc Công ty C thành lập thêm hai công ty mới là D và E là thuộc hình thức nào trong số các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp được nêu ở trên? Vì sao? Nếu sau khi tổ chức lại, Công ty C không đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống và không tiến hành đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty D và E thì có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2/ Ở trường hợp 2, việc quyết định giải thể doanh nghiệp của chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 không? Vì sao?

3/ Theo em, điều kiện để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được giải thể

doanh nghiệp là gì? Em hãy cho biết trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bao gồm những bước nào.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Trong trường hợp 1, việc Công ty cổ phần C thành lập thêm hai công ty mới là Công ty cổ phần D và Công ty cổ phần E là thuộc hình thức tách công ty, bởi vì, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: tách công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp, theo đó, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty cổ phần mới (gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt sự tồn tại của công ty bị tách.

Nếu sau khi tổ chức lại, Công ty cổ phần C không đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống và không tiến hành đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty cổ phần D và E thì là vi phạm pháp luật. Bởi vì, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong trường hợp tách công ty, công ty bị tách phải thực hiện đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có); đồng thời phải thực hiện đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty được tách.

2/ Ở trường hợp 2, việc quyết định giải thể doanh nghiệp của chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, bởi vì, theo quy định của Luật này thì kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà công ty không có quyết định gia hạn và theo quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn là các trường hợp giải thể doanh nghiệp.

3/ Điều kiện để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được giải thể doanh nghiệp là phải bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bao gồm những bước sau:

+ Thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp T.

+ Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lí tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lí riêng.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng kí kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

+ Cơ quan đăng kí kinh doanh phải thông báo tình trạng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp ngay sau khi nhận được Quyết định giải thể của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức:

+ Tổ chức lại doanh nghiệp gồm các hình thức chủ yếu là chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty và chuyển đổi doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi có đủ điều kiện và trong những trường hợp do Luật định. Việc giải thể doanh nghiệp phải được tiến hành theo những trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

3. Hoạt động Luyện tập

a) Mục tiêu:

HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về Luật Doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

3.1. Bài luyện tập số 1

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu từng trường hợp được nêu trong bài tập số 1 ở SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ học, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

a. Doanh nghiệp A đã thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho người lao động do pháp luật quy định. Cụ thể: Doanh nghiệp đã thoả thuận với người lao động về việc trả thêm lợi tức mỗi khi trả lương cho họ chậm hơn thời hạn đã quy định; thực hiện đúng quy định về bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động trong doanh nghiệp.

b. Doanh nghiệp N vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lí theo pháp luật vì không thực hiện đúng một số nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp quy định. Cụ thể: doanh nghiệp này kinh doanh một số mặt hàng không có trong giấy phép kinh doanh và một số năm trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

3.2. Bài luyện tập số 2

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu từng trường hợp được nêu trong bài tập số 2 ở SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

a. Công ty V thuộc loại hình công ty cổ phần, vì trong tất cả các loại hình doanh nghiệp thì chỉ công ty cổ phần mới có vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần. Công ty này là

một doanh nghiệp nhà nước vì Nhà nước nắm giữ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Công ty này được tổ chức quản lí và hoạt động theo mô hình sau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Thông qua định hướng phát triển của công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,...

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kí kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lí quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định,... Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

b. D là doanh nghiệp tư nhân vì nó thể hiện các đặc trưng cơ bản của loại hình doanh nghiệp này. Cụ thể: Doanh nghiệp này do một cá nhân là bà E làm chủ, chủ doanh nghiệp tự đăng kí vốn đầu tư, quyết định toàn bộ hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Cách thức tổ chức và quản lí của doanh nghiệp này như sau: Chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, với việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Bài luyện tập số 3

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu trường hợp được nêu trong bài tập số 3 ở SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Trình tự, thủ tục đăng kí thành lập công ty hợp danh gồm các bước cơ bản sau:

+ Bước 1: Ông T và bà Q phải chuẩn bị bộ Hồ sơ đăng kí công ty hợp danh gồm những giấy tờ sau:

• Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp.

• Điều lệ công ty.

• Danh sách thành viên.

• Bản sao giấy tờ pháp lí của ông T, bà Q, ông H, bà K và các thành viên khác (nếu có).

Bộ hồ sơ này phải được nộp cho cơ quan đăng kí kinh doanh theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử.

+ Bước 2: Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, sau đó quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

+ Bước 3: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty hợp danh này phải thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

Ông T, bà Q, ông H, bà K và các thành viên khác phải góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

3.4. Bài luyện tập số 4

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu trường hợp được nêu trong bài tập số 4 ở SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Các doanh nghiệp S, O và P nêu trên đã được tổ chức lại theo hình thức sáp nhập công ty, bởi vì, theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì sáp nhập công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Trong trường hợp này, S và O là các công ty bị sáp nhập và P là công ty nhận sáp nhập.

+ Sau khi sáp nhập, Công ty trách nhiệm hữu hạn P có thể chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần, bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì: "Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần theo phương thức sau đây:

a. Chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm tổ chức, cá nhân khác cùng góp vốn, không bán phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân khác;

b. Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;

c. Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách bán toàn bộ hoặc một phần phần vốn góp cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác;

Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này và các phương thức khác".

3.5. Bài luyện tập số 5

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu trường hợp được nêu trong bài tập số 5 ở SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Công ty X trong trường hợp được nêu trong bài luyện tập số 5 đủ điều kiện để giải thể doanh nghiệp, bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì "Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài". Mặc dù tổng số nợ phải thanh toán của Công ty X là 30 tỉ đồng, song tổng giá trị tài sản hiện có của Công ty là 50 tỉ đồng nên có thể bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ của công ty và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.

4. Hoạt động Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học để tìm hiểu và làm rõ những nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng trong SGK: Em cùng các bạn trong nhóm hãy chuẩn bị và trình bày trước lớp bài viết về việc thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động của một doanh nghiệp do nhóm lựa chọn.

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập này ở nhà, sau đó chọn 1 – 2 HS trình bày sản phẩm trước lớp vào tiết học sau.

Chuyên đề 3

VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

– Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

– Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và một số biện pháp, chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

– Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện đường lối, chính sách hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước

– *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu những hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè tích cực tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

3. Phẩm chất

– Rèn luyện được tinh thần *trách nhiệm* trong việc tham gia các hoạt động liên quan đến thực hiện đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

– Thể hiện được tinh thần *yêu nước* trong việc tìm hiểu và tham gia các hoạt động liên quan đến thực hiện đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

II TÀI LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Tài liệu

SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu

Video/tranh ảnh cho hoạt động khởi động (nếu có), phiếu học tập sử dụng cho các hoạt động trong bài.

3. Thiết bị

Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu, máy tính, máy chiếu,...

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động Mở đầu

a) Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học, khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học, tạo hứng thú cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ HS quan sát lược đồ những mốc cơ bản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Chọn một dấu mốc, giới thiệu và nêu ý nghĩa của hoạt động này đối với sự phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân.

– GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

2. Hoạt động Khám phá

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

a) Mục tiêu: HS nêu được cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết thông tin 1, 2 đề cập đến những cơ hội gì cho Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hãy phân tích và làm rõ những cơ hội đó.

2/ Theo em, Hiệp định CPTPP đã dẫn đến những thách thức nào cho doanh nghiệp và thị trường nội địa Việt Nam?

3/ Em hãy kể tên những thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam được đề cập ở thông tin 3. Lấy ví dụ trong thực tế để minh hoạ cho những thách thức đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Thông tin 1, 2 đề cập đến những cơ hội cho phát triển đất nước: Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, thu hút vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế; Tạo cơ hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tạo điều kiện thúc đẩy hội nhập các lĩnh vực văn hoá, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2/ Tham gia Hiệp định CPTPP đặt ra những thách thức đối với Việt Nam: (1) *Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài.* Việc mở cửa thị trường, ưu đãi thuế quan tạo nên sức ép cạnh tranh đối với doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường nước ngoài cũng như thị trường trong nước do tiềm lực còn yếu, sự liên kết với nhau không cao; (2) *Thách thức về hoàn thiện khung pháp lí, thể chế:* tạo sức ép Việt Nam phải điều chỉnh, sửa đổi một số quy định pháp luật về thương mại, hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động...; (3) *Thách thức đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của FTA thế hệ mới.*

3/ Thông tin 3 cho thấy Đảng ta đã chỉ ra những thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế:

+ *Về kinh tế:* làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, quốc gia, nguy cơ mất cân đối cơ cấu kinh tế.

+ *Về chính trị:* làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, những thách thức về an ninh quốc gia.

+ *Về văn hoá, xã hội:* gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, những tác động tiêu cực về văn hoá, lối sống.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu đường lối, chính sách và giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được đường lối, chính sách và giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: *Em hãy cho biết những đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nào của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trong thông tin trên.*

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Chủ trương, đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta: Thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách hội nhập; chủ động, tích cực hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; Hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

+ Chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước: Chủ động mở cửa nền kinh tế; tích cực hội nhập với khu vực và thế giới; xây dựng đồng bộ hệ thống thị trường trong nước; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia hội nhập tích cực;...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra các biện pháp cụ thể được đề cập trong thông tin trên nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay.

2/ Em hãy kể thêm các biện pháp, chính sách để giải quyết các vấn đề trên trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Để giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần thực hiện một số biện pháp, chính sách sau:

+ Rà soát, củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến hội nhập quốc tế, cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

+ Thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới động lực tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển ổn định, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài; quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu,...

+ Bảo đảm củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài; tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu quả ở các vùng, khu vực quan trọng trên cả nước.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu thành tựu, hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được thành tựu và hạn chế trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, quan sát biểu đồ trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu một số dẫn chứng thực tế minh hoạ cho những thành tựu đạt được trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đề cập trong thông tin 1.

2/ Theo em, thông tin 2 đề cập đến những hạn chế nào của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế? Hãy nêu ví dụ thực tế làm rõ thêm hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta và cho biết điều đó ảnh hưởng thế nào đến hiệu quả hội nhập.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, tích cực hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

+ *Về đối ngoại:* Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, tham gia nhiều hình thức hội nhập quốc tế.

+ *Về kinh tế:* Kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng, mở rộng quan hệ thương mại quốc tế tới nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, cải thiện cán cân thương mại, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

+ *Về chính trị, văn hoá, xã hội:* Thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế; phát triển khoa học – công nghệ, tăng năng suất lao động, phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới.

Bên cạnh những thành tựu đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam còn một số hạn chế như:

+ Nền kinh tế quốc gia phát triển chưa bền vững.

+ Năng lực cạnh tranh quốc gia và của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp.

+ Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ trung ương đến địa phương, giữa các ban ngành còn nhiều bất cập.

+ Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện.

+ Năng lực đội ngũ cán bộ công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Hoạt động 2.4: Tìm hiểu khái niệm công dân toàn cầu, hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm công dân toàn cầu, vấn đề hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm công dân toàn cầu

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Thông tin trên cho biết một công dân toàn cầu có những biểu hiện về kiến thức, kĩ năng, thái độ nào?

2/ Em hiểu thế nào là công dân toàn cầu?

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Công dân toàn cầu là người có hiểu biết về thế giới; biết tôn trọng sự đa dạng của các giá trị trong các nền văn hoá và biết chịu trách nhiệm về hành động của mình, ý thức được vai trò của bản thân như một công dân thế giới, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng từ địa phương đến toàn cầu; sẵn sàng hợp tác với người khác để làm cho thế giới trở nên công bằng và bền vững hơn.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết những cam kết hợp tác nào trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hoá xã hội của các quốc gia thành viên trong Cộng đồng ASEAN được thể hiện trong thông tin 1.

2/ Thông tin 2 đề cập đến những nguyên tắc nào trong giải quyết các xung đột về kinh tế diễn ra trong tiến trình hội nhập quốc tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Thông tin 1 cho biết cộng đồng ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực mở có mức độ liên kết sâu rộng, cam kết hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hoá – xã hội: thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hợp tác trong việc xây dựng cho ASEAN một môi trường an toàn, an ninh và không có ma tuý,...

Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam ngày càng được mở rộng, phát triển, thiết thực và hiệu quả.

• Về phương diện chính trị: Đối thoại và hợp tác trở thành công cụ giúp các quốc gia hướng tới hoà bình, ổn định, phát triển.

• Về phương diện kinh tế: Hợp tác quốc tế cho phép tự do hoá thương mại, tăng cường đầu tư quốc tế, phát triển các tập đoàn kinh tế vươn tầm ảnh hưởng tới mọi khu vực, vùng, lãnh thổ trên thế giới,...

• Về văn hoá, xã hội: Hợp tác quốc tế mở rộng cơ hội giao lưu, học tập, tiếp cận và tiếp thu những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến, tiếp xúc với phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật,... của những nền văn hoá khác nhau.

+ Trong giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế cần ưu tiên cơ chế thương lượng, hoà giải, trọng tài, đảm bảo nguyên tắc ứng phó và xử lí linh hoạt trước diễn biến trên thế giới, hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với cam kết quốc tế. Đồng thời cần sử dụng pháp luật quốc tế trong bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam để giải quyết các xung đột, nhất là các vấn đề về cạnh tranh thương mại, nhân lực, khoa học công nghệ, môi trường,...

3. Hoạt động Luyện tập

a) Mục tiêu:

– HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

– Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

3.1. Bài luyện tập số 1

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc nhóm đôi, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

A. Hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn ở trình độ thấp, tiếp nhận đầu tư, khoa học công nghệ, xuất khẩu ra thị trường thế giới không tránh khỏi bị phụ thuộc, vì thế phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, coi nội lực là quan trọng nhất, đảm bảo chính trị xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh việc tạo điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu,... cần phải tăng cường sức mạnh nội sinh, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp trong nước có điều kiện thuận lợi để kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc,...

C. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần có chính sách bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đất nước để phát triển bền vững vì quá trình này có thể sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên như: khai thác tài nguyên thiên nhiên không hợp lí, gây ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học,...

D. Doanh nghiệp Việt Nam là lực lượng chủ yếu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình hội nhập, doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thế giới. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp trong nước ngày càng lớn mạnh.

3.2. Bài luyện tập số 2

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy chỉ ra hạn chế về chất lượng nhân lực Việt Nam khi tham gia hội nhập kinh tế. Theo em, cần làm gì để khắc phục hạn chế đó, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập này theo nhóm. Tham khảo các thông tin về chất lượng nguồn nhân lực: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, thể lực, kĩ năng giao tiếp,... từ đó chỉ ra những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục.

3.3. Bài luyện tập số 3

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình về những cơ hội và thách thức đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Em sẽ làm gì để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức đó?*

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm và báo cáo kết quả.

– GV nhận xét và kết luận. Gợi ý:

+ Những cơ hội đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế về: giáo dục, việc làm, khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ,...

+ Những thách thức về: kĩ năng giao tiếp, ngoại ngữ, sức khoẻ,...

3.4. Bài luyện tập số 4

Em hãy sưu tầm thông tin về một mối quan hệ hợp tác kinh tế song phương của Việt Nam với một quốc gia trên thế giới và giới thiệu những cơ hội mang lại từ quan hệ hợp tác này đối với nước ta.

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân thực hiện ở nhà. Sau đó tổ chức cho HS hoặc các nhóm báo cáo kết quả.

3.5. Bài luyện tập số 5

Em hãy cùng các bạn tham gia toạ đàm chủ đề công dân toàn cầu với những nội dung gợi ý dưới đây:

– Những phẩm chất cần thiết của người công dân toàn cầu.

– Làm thế nào để trở thành công dân toàn cầu.

Tổ chức buổi diễn đàn này ở quy mô lớp hoặc nhóm lớp. Phân công một số HS chuẩn bị tư liệu, câu chuyện về công dân toàn cầu để giới thiệu trong buổi toạ đàm.

4. Hoạt động Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng trong SGK:

+ Em hãy tìm hiểu thông tin, hình ảnh giới thiệu về thành tựu hoạt động du lịch quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây.

+ Em hãy viết bài giới thiệu về một thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương em.

– GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này, quy định về sản phẩm và thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh hoạ. Sau đó, chọn bài có nội dung tốt, mời 1 – 2 HS trình bày bài viết trước lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẤT THẮNG
Thiết kế sách: PHẠM VIỆT QUANG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – HOÀNG KIM LIÊN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: .....

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in ..... Địa chỉ .....
Cơ sở in ..... Địa chỉ .....
Số ĐKXB: ...../CXBIPH/...../GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-.....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một – SGV
2. Ngữ văn 12, tập hai – SGV
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – SGV
4. Toán 12 – SGV
5. Chuyên đề học tập Toán 12 – SGV
6. Lịch sử 12 – SGV
7. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – SGV
8. Địa lí 12 – SGV
9. Chuyên đề học tập Địa lí 12 – SGV
10. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 – SGV
11. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 – SGV
12. Vật lí 12 – SGV
13. Chuyên đề học tập Vật lí 12 – SGV
14. Hoá học 12 – SGV
15. Chuyên đề học tập Hoá học 12 – SGV
16. Sinh học 12 – SGV
17. Chuyên đề học tập Sinh học 12 – SGV
18. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử – SGV
19. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử – SGV
20. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản – SGV
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản – SGV
22. Tin học 12 – SGV
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng – SGV
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính – SGV
25. Mĩ thuật 12 – SGV
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12 – SGV
27. Âm nhạc 12 – SGV
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 – SGV
29. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 – SGV
30. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền – SGV
31. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá – SGV
32. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông – SGV
33. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ – SGV
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 – SGV
35. Tiếng Anh 12 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG